

Bản án số: 75/2024/DS-ST

Ngày: 15/8/2024

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Bảo Huyền Trân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 20/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1 (T2); Địa chỉ trụ sở: Tòa án T3, số E phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Đ, chức vụ: Chuyên viên bộ phận xử lý nợ khách hàng cá nhân và ông Nhan Ngọc L, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ khách hàng cá nhân; cùng địa chỉ liên hệ: Số D đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền số 05/2023/UQ-TPB.HĐQT ngày 18/10/2023 của Chủ tịch HĐQT T3 và Giấy ủy quyền số 825/2023/GUQ-TPB.DR ngày 08/12/2023 của Phó phòng phụ trách Phòng tổ tụng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ 1 – Khối xử lý và thu hồi nợ - Ngân hàng TMCP T1). (Ông L có mặt).

- Bị đơn: Bà Dương Trúc T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số K đường T, tổ D, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà **Dương Trúc T** vay vốn tại **T3** theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 390/2020/HDTD/BDN/01 ngày 29/09/2020. Căn cứ Hợp đồng cho vay nêu trên, **T3** đã giải ngân cho bà **Dương Trúc T** cụ thể như sau: Số tiền giải ngân: 460,000,000đ ; Mục đích: vay mua xe ô tô tiêu dùng. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày 30/09/2020 đến ngày 29/09/2027. Ngày đề nghị giải ngân: 29/09/2020; Lãi suất: Lãi suất linh hoạt: Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 29/09/2021 là: 8,0%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ dành cho Khách hàng cá nhân (\*) của **T3** tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,8%/năm. Lịch trả nợ: Trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ do **T3** gửi Khách hàng, định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15. Căn cứ Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng nêu trên, **T3** đồng ý cấp hạn mức thẻ tín dụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đã phát hành cho bà **Dương Trúc T** 01 thẻ tín dụng **T3** hạng **C**. Số tiền giải ngân: Khách hàng đã sử dụng/tiêu dùng toàn bộ hạn mức được cấp.

Để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ nêu trên, bà **Dương Trúc T** đã thế chấp cho **T3** tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 390/2020/HDTD/BDN/01 ngày 29/09/2020. Thông tin tài sản thế chấp: 01 Xe ô tô HYUNDAI: Số loại: ELANTRA; Màu: trắng; Biển kiểm soát: 434-566.58; Số khung: RLUFC41CBLN019770; Số máy: G4FGKU029848. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 095609 do **Phòng C1 Công an T4** cấp ngày 28/09/2020 đứng tên bà **Dương Trúc T**. Các tài sản thế chấp được ký Hợp đồng thế chấp và Đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình vay vốn, bà **Dương Trúc T** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 05/2023 theo Hợp đồng cho vay đã ký kết và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ thời điểm quá hạn. Mặc dù **T3** đã nhiều lần tạo điều kiện để Bên vay thực hiện đúng hợp đồng nhưng tới thời điểm hiện tại Bên vay vẫn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên. Do bà **T** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên **Ngân hàng T2** khởi kiện yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc bà **Dương Trúc T** thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/08/2024 là 402.100.881đ cụ thể: Khoản vay theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 390/2020/HDTD/BDN/01 ngày 29/09/2020 thì nợ gốc: 290,238,104đ , nợ lãi trong hạn: 43,698,983đ, nợ lãi quá hạn: 13,207,438đ, tổng cộng: 347,144,525đ. Khoản vay thẻ tín dụng: nợ gốc: 20,000,000đ, nợ lãi: 34,956,356đ, tổng cộng: 54,956,356đ .

Trường hợp bà **Dương Trúc T** không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sở hữu 01 xe ô tô HYUNDAI; Số loại: ELANTRA; Màu: trắng; Biển kiểm soát: 43A-566.58; Số khung: RLUFC41CBLN019770; Số máy: G4FGKU029848. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 095609 do **Phòng C1 Công an T4** cấp ngày 28/09/2020 đứng tên bà **Dương Trúc T**.

*\* Bị đơn bà mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.*

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng cần đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP T1** buộc bà **Dương Trúc T** phải thanh toán tổng số tiền: 402.100.881đ theo các hợp đồng: Khoản vay theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 390/2020/HDTD/BDN/01 ngày 29/09/2020 thì nợ gốc: 290,238,104đ, nợ lãi trong hạn: 43,698,983đ, nợ lãi quá hạn: 13,207,438đ, tổng cộng: 347,144,525đ . Khoản vay thẻ tín dụng: n ợ gốc: 20,000,000đ, nợ lãi: 34,956,356đ, tổng cộng: 54,956,356đ. Ngoài ra bị đơn còn có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ

ngày 16/8/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

Về xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự trong trường hợp bà **T** không thực hiện được hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã kí, xử lý tài sản thế chấp trong phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bà **Dương Trúc T** thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì **T2** phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại cho bà **T** Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

Bà **T** phải chịu án phí, chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T1 (T2)** đối với bị đơn **Dương Trúc T** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn **Dương Trúc T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:**

[2.1] Xét, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi vay của các Hợp đồng tín dụng tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/8/2024 là: 402.100.881đ.

Căn cứ lời khai của đương sự trong vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ thể hiện: Ngày 29/09/2020 **Ngân hàng TMCP T1** ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 390/2020/HDTD/BDN/01 với bà **Dương Trúc T**. Căn cứ Hợp đồng cho vay nêu trên, **T3** đã giải ngân cho bà **Dương Trúc T** cụ thể như sau: Số tiền giải ngân: 460,000,000đ; Mục đích: vay mua xe ô tô tiêu dùng. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày 30/09/2020 đến ngày 29/09/2027. Ngày đề nghị giải ngân: 29/09/2020; Lãi suất: Lãi suất linh hoạt: Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 29/09/2021 là: 8,0%/năm, tạm tính đến ngày 15/8/2024, bà **T** nợ **T2** số tiền :

347.144.525đ, trong đó: nợ gốc : 290.238.104đ, lãi trong hạn: 43.698.983đ, lãi quá hạn: 13.207.438đ.

Ngày 29/9/2020, Ngân hàng TMCP T1 và bà Dương Trúc T ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 29/9/2020, tạm tính đến ngày: 15/8/2024, bà T nợ T2 số tiền: 54.956.356đ trong đó nợ gốc : 20.000.000đ và lãi: 34.956.356đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết các hợp đồng tín dụng và các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. T2 đã giải ngân đủ số tiền vay theo hợp đồng đã ký, bà T đã ký nhận đủ số tiền vay. Trong quá trình vay vốn, bà Dương Trúc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 05/2023 theo Hợp đồng cho vay đã ký kết và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ thời điểm quá hạn. Như vậy, T3 đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, bà T không thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn là: 402.100.881đ và tuyên tiền lãi phát sinh ngày tiếp theo là phù hợp quy định tại các Điều 91, Điều 92 và Điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản thế chấp: Xét, Hợp đồng thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải số: 390/2020/HDTD/BDN/01; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 29/9/2020 và Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 29/9/2020 được ký Hợp đồng thế chấp và Đăng ký giao dịch bảo đảm. Tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô HYUNDAI; Số loại: ELANTRA; Màu: trắng; Biển kiểm soát: 43A-566.58; Số khung: RLUFC41CBLN019770; Số máy: G4FGKU029848 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 095609 do Phòng C1 Công an T4 cấp ngày 28/09/2020 đứng tên bà Dương Trúc T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa T2 với bên thế chấp là bà T hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, mặt khác trong hợp đồng thế chấp đã nêu rõ nội dung hợp đồng thế chấp và phạm vi bảo đảm là bên thế chấp tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay bao gồm: nợ gốc, lãi tiền vay trong hạn và các chi phí phát sinh liên quan của số tiền vay theo Hợp đồng giữa Ngân hàng và các bên.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên đủ căn cứ xác định, hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên. Vì vậy, trường hợp bà **T** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì **T2** có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án phát mại tài sản thế chấp mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại các Điều 299 và Điều 303 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bà **T** thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì **T2** phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại trên là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho bà **Dương Trúc T** theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí dân sự sơ thẩm: 20.084.035đ (*Hai mươi triệu không trăm tám mươi tư nghìn không trăm ba mươi lăm đồng*) bà **Dương Trúc T** phải chịu.

Hoàn trả lại cho **T2** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 3.000.000đ, bà **Dương Trúc T** phải chịu nhưng **Ngân hàng TMCP T1** đã nộp tạm ứng và đã chi nên bà **T** có nghĩa vụ hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP T1** số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 97, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 299, Điều 303, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T1** đối với bị đơn bà **Dương Trúc T** về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**Tuyên xử:**

1. Buộc bà **Dương Trúc T** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP T1** tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/8/2024: 402.100.881đ; Cụ thể:

1.1 Trả cho Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 390/2020/HDTD/BDN/01 ngày 29/09/2020 là: 347.144.525đ, trong đó: nợ gốc : 290.238.104đ, lãi trong hạn: 43.698.983đ, lãi quá hạn: 13.207.438đ.

1.2 Trả cho Đ1 đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 29/9/2020 là 54.956.356đ trong đó nợ gốc : 20.000.000đ và lãi: 34.956.356đ.

1.3 Kể từ ngày tiếp theo ngày 16/8/2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số nợ gốc và lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số: 390/2020/HDTD/BDN/01 ngày 29/09/2020 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 29/9/2020.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Dương Trúc T không thanh toán khoản nợ theo các hợp đồng nói trên thì tài sản quyền sở hữu là 01 xe ô tô HYUNDAI; Số loại: ELANTRA; Màu: trắng; Biển kiểm soát: 43A-566.58; Số khung: RLUFC41CBLN019770; Số máy: G4FGKU029848 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 095609 do Phòng C1 Công an T4 cấp ngày 28/09/2020 đứng tên bà Dương Trúc T được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bà Dương Trúc T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T1 phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại Giấy chứng đăng ký xe ô tô số: 095609 do Phòng C1 Công an T4 cho bà Dương Trúc T theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

### 3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: 20.084.035đ (Hai mươi triệu không trăm tám mươi tư ngàn không trăm ba mươi lăm đồng) bà Dương Trúc T phải chịu.

3.2 Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 8.655.876đ (Tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng) cho Ngân hàng TMCP T1 đã nộp theo biên lai thu số 0001006 ngày 01/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Dương Trúc T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền 3.000.000đ. (ba triệu đồng).

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Bảo Huyền Trân**